

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HS-PT
Ngày 28 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và bà Hoàng Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo **Đinh Thị Minh L** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Đinh Thị Minh L, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1977 tại **huyện M, tỉnh Quảng Bình**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố E, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; nơi cư trú: **Số nhà B, đường L, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh K**, sinh năm 1932 (đã chết) và con bà **Hoàng Thị L1**, sinh năm 1932, có chồng là **Lê Minh T**, sinh năm 1974 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/11/2022 đến ngày 17/01/2023 được thay đổi bằng biện pháp “bảo lĩnh”, đến ngày 26/5/2023 được thay đổi bằng biện pháp “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Dương Thị Thúy H, Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh Q**, có mặt.

Vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Thị Minh L hợp đồng làm đại lý bảo hiểm cho **công ty TNHH B1** từ ngày 01/12/2008, đến ngày 18/6/2018 công ty chấm dứt hợp đồng với **L**. Theo hợp đồng, **L** được công ty ủy quyền tư vấn và cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng, trong đó có nhiệm vụ thu và nộp các loại phí bảo hiểm, **L** phải sử dụng bộ phiếu thu gồm 02 liên (được lập với nội dung giống nhau) do **công ty B1** cấp và phải giao liên 02 cho khách hàng giữ, trên mỗi phiếu thu đều có hạn mức thu tối đa và thời hạn sử dụng. Liệu có trách nhiệm nộp phí kèm liên 1 về văn phòng tổng **đại lý P** tại địa phương hoặc chuyển khoản về tài khoản đã được chỉ định của công ty trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

Trong thời gian làm đại lý bảo hiểm, **Đinh Thị Minh L** đã tư vấn được 71 hợp đồng bảo hiểm và được công ty xuất và cấp 32 quyển phiếu thu dùng để thu phí hồ sơ mới và phí định kỳ của khách hàng. Tuy nhiên, từ năm 2013 đến năm 2015, mặc dù biết một số hợp đồng bảo hiểm do mình tư vấn trước đó đã bị mất hiệu lực do không đóng phí đầy đủ nhưng **Đinh Thị Minh L** không thông tin cho khách hàng biết mà tiếp tục yêu cầu khách hàng nộp phí để chiếm đoạt. Thủ đoạn của **L** là yêu cầu khách hàng cung cấp liên 2 của phiếu thu phí mà **L** đã thu trong kỳ thu phí trước rồi **L** tự sửa chữa, ghi thêm số tiền của kỳ thu phí mới và ngày tháng năm nhận tiền hoặc lấy phiếu thu của công ty rồi tự ý điền thông tin vào để thu và chiếm đoạt tổng số tiền 23.573.700 đồng của bị hại, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của bà **Đinh Thị Kim T1**, sinh năm 1965, trú tại **tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện M** số tiền 19.761.700 đồng.

Bà **Đinh Thị Kim T1** mua bảo hiểm cho chồng là ông **Cao Đình C** theo hợp đồng bảo hiểm số 72202710 với mức phí bảo hiểm định kỳ là 405.100 đồng/tháng, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 23/7/2009, mất hiệu lực ngày 23/6/2013 do không nộp phí bảo hiểm. Mặc dù không được công ty cấp phiếu thu mới cho khách hàng nhưng **L** vẫn tự ý sửa chữa phiếu thu cũ để thu tiền và chiếm đoạt, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 31/5/2013 Liệu yêu cầu bà **T1** đưa liên 2 của phiếu thu mẫu: 01GTKT2/004, số 04196, tên khách hàng **Cao Đình C**, ghi ngày 15/8/2011, số tiền thu là 4.050.700 đồng mà bà **T1** đã đóng phí trước đó và **L** sửa ngày thành 31/5/2013 rồi chiếm đoạt của bà **T1** số tiền 4.050.700 đồng.

- Lần 2: Ngày 31/7/2014 **L** yêu cầu bà **T1** đưa liên 2 của phiếu thu số: 6679116/TR, tên khách hàng **Cao Đình C**, ghi ngày 23/7/2009, số tiền thu là 2.146.900 đồng mà bà **T1** đã đóng phí trước đó và **L** sửa ngày thành 31/7/2014, viết thêm số tiền 4.050.000 đồng vào phần “ phí bảo hiểm đóng thêm” và chiếm đoạt của bà **T1** số tiền 4.050.000 đồng.

- Lần 3: Bà **Đinh Thị Kim T1** mua bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm số 72212371 với mức phí bảo hiểm định kỳ 386.100 đồng/tháng, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 12/8/2009, mất hiệu lực ngày 12/10/2011 do không nộp phí bảo hiểm. Ngày 22/10/2013, **L** đã sử dụng phiếu thu mẫu: 01GTKT2/004, ký hiệu BA số 01757, tên khách hàng **Đinh Thị Q** có hợp đồng bảo hiểm số 72221661, phiếu thu lập ngày 30/5/2011, số tiền thu là

3.286.300 đồng và sửa tên khách hàng thành **Đinh Thị Kim T1**, sửa thời gian thành ngày 22/10/2013, ghi thêm số tiền 3.800.000 đồng và dòng chữ “đóng phí phục hồi” và chiếm đoạt của bà **T1** số tiền 3.800.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 12/8/2015 **L** yêu cầu bà **T1** đưa liên 2 của phiếu thu số: AG/013201175, tên khách hàng **Đinh Thị Kim T1**, ghi ngày 11/10/2010, số tiền thu là 3.861.000 đồng mà bà **T1** đã đóng phí trước đó và **L** sửa ngày đến hạn từ 12/8/2010 thành 12/8/2015 rồi chiếm đoạt của bà **T1** số tiền 3.861.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 02/9/2015 **L** yêu cầu bà **T1** đưa liên 2 của phiếu thu số: AG/013201175 đã bị sửa vào ngày 12/8/2015 nói trên và **L** sửa ngày thu tiền từ 11/10/2010 thành 02/9/2015, viết thêm số hợp đồng bảo hiểm 72212372, số tiền 4.000.000 đồng về khoản đóng phí, đến hạn ngày 02/9/2015 và chiếm đoạt của bà **T1** số tiền 4.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của bà **Cao Thị Hồng B**, sinh năm 1950, trú tại **tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện M** số tiền 3.812.000 đồng.

Bà **Cao Thị Hồng B** mua bảo hiểm cho con là **Cao Thị Hoài T2** theo hợp đồng bảo hiểm số 72196334, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 09/7/2009. Ngày 28/3/2014 **L** yêu cầu bà **B** đưa liên 2 của phiếu thu số: GA/004079767, tên khách hàng **Cao Thị Thanh H1**, ghi ngày 28/3/2011, số tiền thu là 1.120.400 đồng mà bà **B** đã đóng phí trước đó và **L** sửa ngày thành 28/3/2014, viết thêm số tiền 3.812.000 đồng rồi chiếm đoạt của bà **B** số tiền 3.812.000 đồng.

Tổng cộng **Đinh Thị Minh L** đã chiếm đoạt của bà **Đinh Thị Kim T1** và bà **Cao Thị Hồng B** số tiền 23.573.700 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Ngoài ra, **Đinh Thị Minh L** còn 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 11.310.700 đồng của bà **Đinh Thị Kim T1** và bà **Cao Thị Hồng B** nhưng tính đến ngày khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì hết hiệu lực truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể:

- Lần 1: Bà **Cao Thị Hồng B** mua bảo hiểm cho con là **Cao Tuấn T3** theo hợp đồng bảo hiểm số 72185530, hợp đồng có hiệu lực ngày 23/6/2009 với mức phí bảo hiểm định kỳ 3.660.000 đồng/năm, mất hiệu lực ngày 23/6/2010 do không nộp phí bảo hiểm. **Đinh Thị Minh L** đã sử dụng phiếu thu số AG/013201431 (là phiếu thu do công ty cấp nhưng Liệu báo mất liên 2, không nộp về công ty) và ghi tên khách hàng **Cao Tuấn T3**, ngày thu tiền 21/10/2010, số tiền 3.660.000 đồng rồi chiếm đoạt của bà **B** số tiền 3.660.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 28/6/2011, **Đinh Thị Minh L** đã sử dụng liên 2 của phiếu thu số AG/013752992 (phiếu thu này chưa được hoàn trả về công ty và không có thông tin thu phí) và viết vào tên khách hàng **Cao Tuấn T3**, ngày thu tiền 28/6/2011, số tiền 3.600.000 đồng rồi chiếm đoạt của bà **B** số tiền 3.600.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 20/5/2012, **L** yêu cầu bà **T1** đưa liên 2 của phiếu thu số GA/003337194, tên khách hàng **Cao Đình C**, ghi ngày 20/9/2010, số tiền thu là 4.050.700 đồng mà bà **T1** đã đóng phí trước đó và **L** tự sửa thành ngày 20/5/2012 rồi chiếm đoạt của bà **T1** số tiền 4.050.700 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ từ bà **Đinh Thị Kim T1** và bà **Cao Thị Hồng B** 13 tờ phiếu thu tiền (liên 2) và tiến hành trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 1309/KL-KTHS ngày 27/12/2022 của **phòng K1 Công an tỉnh Q** kết luận: Chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A13 (trừ các chữ số tại vị trí góc trên bên phải mặt trước) so với chữ viết của **Đinh Thị Minh L** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người viết ra; chữ ký dưới mục “Người nhận tiền (Đại lý)” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A6, A8 so với chữ ký của **Đinh Thị Minh L** trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người ký ra. Các chữ số trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A3, A4, A5 được viết chồng lên chữ số nguyên thủy.

Vật chứng vụ án: 13 tờ phiếu thu tiền (liên 2) gồm:

- Phiếu thu số GA/003337194, tên khách hàng **Cao Đình C**.
- Phiếu thu Mẫu: 01GTKT2/004, số 04196, tên khách hàng **Cao Đình C**.
- Phiếu thu số 6679116/TR, tên khách hàng **Cao Đình C**.
- Phiếu thu Mẫu: 01GTKT2/004, số 01757, tên **Đinh Thị Q**.
- Phiếu thu số AG/013201175, tên **Đinh Thị Kim T1**.
- Phiếu thu số AG/013752992, tên khách hàng **Cao Tuấn T3**.
- Phiếu thu số AG/013201431, tên khách hàng **Cao Tuấn T3**.
- Phiếu thu số GA/004079767, tên khách hàng **Cao Thị Thanh H1**.

(08 tờ phiếu thu trên bị sửa chữa, viết thêm)

- Phiếu thu số 6588668/TR, tên khách hàng **Cao Tuấn T3**.
- Phiếu thu số 6560600/TR, tên khách hàng **Cao Tuấn T3**.
- Phiếu thu số GA/004079609, tên khách hàng **Cao Thị Hoài T2**.
- Phiếu thu số GA/003334891, tên khách hàng **Cao Thị Hoài T2**.
- Phiếu thu số GA/002044220, tên khách hàng **Cao Thị Hoài T2**.

(05 tờ phiếu thu này **Đinh Thị Minh L** đã thu phí và nộp tiền về công ty).

Trách nhiệm dân sự: **Đinh Thị Minh L** đã bồi thường đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt là 34.884.000 đồng cho bà **Đinh Thị Kim T1** và bà **Cao Thị Hồng B**.

Cáo trạng số 35/CT-VKSQB-P3 ngày 24/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định truy tố bị cáo **Đinh Thị Minh L** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HSST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã Quyết định: Tuyên bố bị cáo **Đinh Thị Minh L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.*

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 174; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

*Xử phạt: bị cáo **Đinh Thị Minh L** 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian tính từ ngày thi hành án được trừ đi 78 ngày tạm giam từ ngày 01/11/2022 đến ngày 17/01/2023.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Trong hạn luật định, bị cáo **Đinh Thị Minh L** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xét xử và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được hưởng cải tạo không giam giữ tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đinh Thị Minh L**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo 36 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất về tội danh và điều luật áp dụng, không có ý kiến gì. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là: bị cáo đã trả tiền khắc phục cho các bị hại đầy đủ, các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo có thành tích làm thiện nguyện, hơn nữa hiện tại bị cáo đang trong thời gian điều trị bệnh trầm cảm nặng tại **Bệnh viện T4**, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét kháng cáo của bị cáo **Đinh Thị Minh L** làm trong hạn luật định nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã quyết định. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2013 đến năm 2015, trong thời gian ký hợp đồng làm đại lý bảo hiểm cho **Công ty TNHH B1**, mặc dù đã biết các hợp đồng bảo hiểm của khách hàng bị mất hiệu lực nhưng **Đinh Thị Minh L** vẫn đưa ra thủ đoạn gian dối yêu cầu bà **Đinh Thị Kim T1** và bà **Cao Thị Hồng B** đưa liên 2 của các phiếu thu tiền mà **L** đã thu trước đó rồi tự sửa chữa ghi thêm thông tin và số tiền để thu tiền và chiếm đoạt số tiền 23.573.700 đồng của bà **Đinh Thị Kim T1** và bà **Cao Thị Hồng B**. **Đinh Thị Minh L** là Đại lý bảo hiểm đã lợi dụng nhiệm vụ tư vấn và thu tiền bảo hiểm của khách hàng cho **Công ty TNHH B1** để lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tình tiết định khung “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tuyên xử bị cáo **Đinh Thị Minh L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đối với kháng cáo của bị cáo cho rằng khoản tiền 3.812.000 đồng là hợp đồng bảo hiểm của bà **Đinh Thị Kim T1** mua cho con gái **Cao Thị Thu H2** chứ không phải của bà **Cao Thị Hồng B**. Tại bản Kết luận điều tra, Cáo trạng xác định được hợp đồng

bảo hiểm số 72204923 bà **Cao Thị Hồng B** mua cho con gái **Cao Thị Thu H3**, tuy nhiên căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của bà **Cao Thị Hồng B** thì xác định được bà **Cao Thị Hồng B** trả tiền mua bảo hiểm cho con gái là **Cao Thị Hoài T2** nhưng bị cáo **L** đã sửa thành tên **Cao Thị Thanh H1** và giao phiếu thu cho bà **B** là có sự nhầm lẫn, vì vậy cần sửa chữa, bổ sung tại phần nội dung vụ án cho phù hợp.

[4]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo không giam giữ của bị cáo **Đinh Thị Minh L**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo **Đinh Thị Minh L** không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 12 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên xét thấy hiện nay bị cáo đang bị bệnh trầm cảm nặng đang điều trị tại **Bệnh viện Trung ương H** được thể hiện tại hồ sơ bệnh án, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 36 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HSST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa về phần hình phạt để chuyển cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ. Do bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 78 ngày nên được quy đổi thành 7 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ, còn lại 28 tháng 6 ngày cải tạo không giam giữ buộc bị cáo phải chấp hành.

- Do bị cáo là người lao động tự do, hiện đang đau ốm không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo **Đinh Thị Minh L** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đinh Thị Minh L**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Thị Minh L** 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, (nhưng được trừ đi 78 ngày bị tạm giữ, tạm giam được quy đổi thành 07 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ), **thời gian còn lại buộc bị cáo Đinh Thị Minh L phải chấp hành là 28 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự **Công an thành phố Đ** nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Đinh Thị Minh L** cho **Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình** giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Đinh Thị Minh L** không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 9 năm 2023).
Đã giải thích việc chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS h Minh Hóa;
- Công an h. Minh Hóa;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT I -TANDTC;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- UBND P. Bắc Lý, TP Đồng Hới;
- Công an TP Đồng Hới;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn